TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2024/DS-PT
Ngày: 11/01//2024
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Nguyễn Văn Trường
-Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân nhân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:305/2023/QĐ-PT, ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Phước T, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: anh Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp Phước T, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đặng Thúy L, sinh năm 1977.Địa chỉ: ấp Phước T, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp Phước T, xã Lộc H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn C là bị đơn và chị Đặng Thúy L, bà Nguyễn Thị Bé H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 07/01/2016, ông Nguyễn Văn T có vay của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Phú Quới số tiền 260.000.000đ để chăn nuôi bò, thế chấp quyền sử dụng đất. Nhưng vì chỗ quen biết xóm làng cùng nuôi bò với nhau nên ông Tư cho anh Huỳnh Ngọc C vay lại số tiền 100.000.000đ và đóng lãi theo lãi suất Ngân hàng. Anh C có viết biên nhận cho ông.

Từ khoảng tháng 10/2020 đến tháng 6/2021 anh C không đóng lãi 10%/năm theo quy định của Ngân hàng. Ngân hàng đã nhắc nhở và báo ngày đáo hạn là 10/7/2021 nên ông có báo với anh C thì anh C không quan tâm, thách đố và bạo hành ông.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C và chị L phải liên đới trả lại ông số tiền gốc 100.000.000đ và tiền lãi thiếu đến tháng 10/2022 là 21.698.629 đồng, tổng cộng là 121.698.629 đồng.

Ngày 07/7/2023 ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung: vẫn giữ nguyên ý kiến anh C vay vốn 100.000.000đ, nhưng thừa nhận anh C có đóng lãi Ngân hàng dùm ông số tiền 48.378.000đ, anh C đưa cho vợ ông là bà H 3.600.000đ, ông thiếu anh C tiền cuộn rơm 4.900.000đ, tiền phối giống bò 1.600.000đ, tổng cộng các khoản này lại anh C trả được 58.478.000đ, ông đồng ý trừ số tiền này vào tiền gốc 100.000.000đ, còn lại gốc 41.522.000đ và tiền lãi 17.845.000đ, tổng cộng 59.367.000đ yêu cầu anh C và chị L phải trả số tiền này cho ông.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc C trình bày:

Anh thừa nhận có mượn của ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000đ và làm biên nhận vào ngày 07/01/2016, mỗi bên giữ một biên nhận. Anh đã trả nhiều lần cho ông T và trả hết nợ vào ngày anh trả số tiền 3.600.000đ cho bà Nguyễn Thị Bé H là vợ ông T. Tuy nhiên số tiền 3.600.000đ ông T có dặn anh C là đưa trực tiếp cho ông chứ đừng nói cho vợ ông biết. Nhưng do lúc tới trả tiền anh không gặp ông T nên mới đưa 3.600.000đ cho bà H, không có làm biên nhận. Sau đó ông T đến nhà đòi 3.600.000đ thì anh nói là đã đưa cho bà H rồi, hai người xảy ra xô xát và Công an xã có đến lập biên bản. Trong biên bản có nhắc đến việc anh đã trả hết tiền nợ cho ông T nên công an xã, trưởng ấp và một số người đã đồng ý làm chứng cho anh.

Ông T cho rằng từ tháng 01/2019 anh không đóng lãi tiếp là không đúng sự thật. Anh C có cung cấp cho Tòa án 04 chứng từ nộp tiền tại phòng giao dịch Phú Quới từ năm 2019 đến năm 2020 gồm các ngày: 28/6/2019, 31/12/2019; 09/7/2020 và 24/9/2020 với tổng số tiền là 18.802.968đ. Ngoài ra anh C có đưa cho bà H vợ ông T số tiền 3.600.000đ, tiền cuộn rơm ông T thiếu 4.900.000đ và tiền phối gống bò 1.600.000đ, tổng cộng là 10.100.000đ hai bên thống nhất trừ số tiền này vào số nợ 100 triệu đồng và anh C có trả nhiều lần cho ông T, ngày trả số tiền 3.600.000đ là xong nợ, không còn thiếu nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đặng Thúy L trình bày tại biên bản hòa giải ngày 10/7/2023: chị và anh C có vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 100 triệu đồng để chăn nuôi bò.

Sau khi vay vợ chồng chị có trả cho ông T các lần tiền như sau: lần thứ nhất trả 45 triệu, đến khoảng năm 2021 có trả cho ông T 55 triệu (20 triệu giao tại nhà anh C, 35 triệu giao tại nhà ông T), những lần trả tiền này đều có đủ mặt hai vợ chồng ông T và bà H, không có làm biên nhận. Khi trả tiền cho ông T anh C có yêu cầu ông T giao lại giấy nợ vay 100 triệu nhưng ông T không giao. Những lần đóng lãi ngân hàng thì ông T đến nhà lấy tiền đóng hoặc ông T đóng trước vài lần rồi đến nhà chị lấy tiền sau. Số tiền 3.600.000đ ông T có dặn anh C là đưa trực tiếp cho ông chứ đừng nói cho vợ ông biết. Chị và anh C đã trả cho ông T xong số tiền vay 100 triệu đồng, không còn nợ nên chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn T không biết việc ông T cho anh C vay tiền, đến khoảng năm 2021 thì anh C đến nhà đưa cho bà số tiền 3.600.000đ và nói "trả xong hết rồi đó" lúc đó bà mới biết là ông T có cho anh C vay 100.000.000đ. Lúc anh C đưa cho bà số tiền 3.600.000đ không có ai chứng kiến, bà nhận tiền nhưng hai bên không có làm biên nhận. Ngoài ra bà không có nhận bất cứ khoản tiền nào nữa từ vợ chồng anh C và chị L. Anh C và chị L trình bày trả tiền nhiều lần cho ông T xong 100 triệu là không đúng sự thật. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã quyết định.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T;

Buộc anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thuý L có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 22.719.032đ và tiền lãi 6.245.234đ, tổng cộng là 28.964.266đ làm tròn 28.964.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thuý L trả ông Nguyễn Văn T số tiền lãi là 1.252.046đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2023 anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L kháng cáo. Ngày 23/8/2023 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu anh C phải trả 100.000.000đ vốn và 24.000.000đ tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo anh C và chị L phải trả cho ông số tiền gốc và lãi 124.000.000đ.

Anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm, vì anh chị đã trả xong nợ cho ông T.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất ngày là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự khác đã hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

Án phí dân sự phúc thẩm: ông T và bà Bé H không phải chịu án do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Anh C và chị L mỗi người phải chịu 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 09/8/2023 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 14/8/2023 và ngày 23/8/2023 các đương sự trong vụ án kháng cáo là còn trong thời hạn luật định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[2] Xét kháng cáo của anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L đã trả xong nợ cho nguyên đơn;

Xét thấy: các đương sự đều thừa nhận nguyên đơn có vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện Long Hồ - phòng giao dịch phú Quới số tiền 260.000.000đ. Bị đơn thừa nhận có vay lại của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) mục đích để chăn nuôi bò, bị đơn có viết biên nhận cho nguyên đơn, đóng lãi theo lãi suất ngân hàng. Bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đ, các bên đương sự đều thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2022 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả gốc 100.000.000đ, tiền lãi 21.698.629 đồng. Biên bản hòa giải ngày 23/02/2023 và biên bản hòa giải ngày 10/7/2023 nguyên đơn thừa nhận bị đơn còn thiếu tiền

gốc 23.900.000đ. Đến ngày 07/7/2023 nguyên đơn có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc 41.522.000đ, tiền lãi 17.845.000đ, tổng cộng 59.367.000đ.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/8/2023 nguyên đơn xác định bị đơn đã trả nhiều lần được 77.280968đ, còn nợ lại tiền gốc 22.719.032đ và yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền 22.719.032đ cho nguyên đơn.

Anh C và chị L cho rằng đã trả xong nợ, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận bị đơn trả xong nợ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là bị đơn còn nợ 22.719.032đ và buộc vợ chồng bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp.

Đối với phần tiền lãi nguyên đơn yêu cầu từ ngày 01/10/2020 đến ngày 30/7/2023 là 33 tháng, mức lãi suất 1%/tháng, tuy nhiên theo biên nhận mượn 100.000.000đ, không có thể hiện lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm lấy mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi 0,833%/ tháng (10%/năm) để giải quyết là có căn cứ. Tiền lãi được tính bằng 6.245.234đ là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H yêu cầu bị đơn trả gốc và lãi 124.000.000đ:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày không thống nhất và liên tục thay đổi yêu cầu về số tiền bị đơn còn nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần số tiền 77.280968đ, còn nợ lại tiền gốc 22.719.032đ và yêu cầu vợ chồng bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nguyên đơn tiền gốc 22.719.032đ là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn có đóng tiền lãi dùm cho nguyên đơn là 48.378.000đ nên đồng ý trừ vào tiền vốn 100 triệu đồng và nguyên đơn khẳng định lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là đúng. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T và bà H.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn anh Huỳnh Ngọc C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H, chị Đặng Thúy L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Xét quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí, nhưng ông T và bà H là người cao tuổi được miễn án phí. Anh C và chị L mỗi người phải chịu 300.000đ.

[5] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thúy L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Buộc anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thuý L có nghĩa vụ liên đới trả ông Nguyễn Văn T tiền gốc 22.719.032đ và tiền lãi 6.245.234đ, tổng cộng là (28.964.266đ) làm tròn 28.964.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thuý L trả ông Nguyễn Văn T tiền lãi 1.252.046đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Buộc anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L mỗi người chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0005253 và biên lai số 0005252, cùng ngày 14/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh C và chị L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

4.Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm buộc anh Huỳnh Ngọc C và chị Đặng Thúy L phải chịu 1.448.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND huyện Long Hồ;
-CCTHADS huyện Long Hồ.
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình